TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2024
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Ông Quách Hà Vính

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Ngọc P; Sinh năm: 2001
HKTT: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố Q, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S; Sinh năm: 1985
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2024, chị Đỗ Thị Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh S không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đi làm xa không về nhà. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ đến nay đã 02 năm và vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 27/10/2020. Ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh S cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2024, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Ngọc P có đăng ký kết hôn như chị P trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, đặc thù công việc của anh thường xuyên phải xa nhà nên có những khi 2 đến 3 tháng mới về nhà một lần, nhưng chị P không thông cảm mà lại trách móc anh và đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2023 đến nay. Anh cũng đã động viên, khuyên giải nhưng chị P vẫn nhất quyết không chịu về. Nay chị P làm đơn ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị P mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Nếu chị P nhất quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 27/10/2020. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung. Chị đồng ý giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc P được ly hôn anh Nguyễn Văn S; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 27/10/2020 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh S vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh S và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh S theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị P, anh S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh S và chị P.

[5]. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/6/2020 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống và không cảm thông, chia sẻ cho công việc của nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị P và anh S đã sống ly thân đến nay đã 2 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị P và anh S đều thừa nhận và cũng đã được chính quyền xã T xác nhận là đúng thực tế. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị Ngọc P được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Ly hôn, chị P và anh S đều thống nhất giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nên chấp nhận ý kiến này của anh S và chị P, giao cháu N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

[7]. Về tài sản: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc P

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc P được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 27/10/2020 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Chị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: BLTU/23/0002391 ngày 10/10/2024. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Đỗ Thị Ngọc P, anh Nguyễn Văn S. Chị P và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc